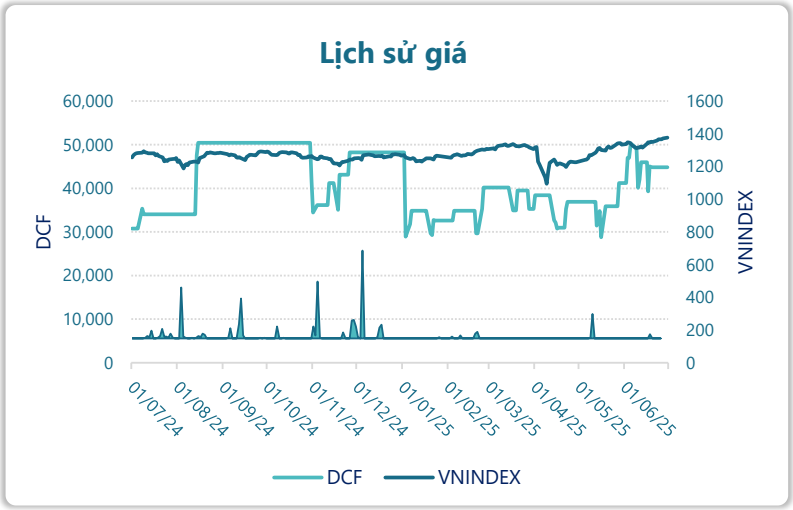
FireAnt

CTCP Xây dựng và Thiết kế số 1 (UPCOM: DCF)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**44,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	50,428
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	28,776
SL cổ phiếu LH	42,998,891
KLGD BQ 20 phiên (CP)	285
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,926
P/E	38.3
EPS	1,171

DT thuần

Q2/25

453

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 97.0| 27.2%

YoY: ▲ 44.0| 10.7%

LN sau thuế

Q2/25

19.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.50| 61.1%

YoY: ▲ 1.50| 8.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

6.4%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

6T 2025

808

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 195| 31.8%

LN sau thuế

6T 2025

31.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0| 52.3%

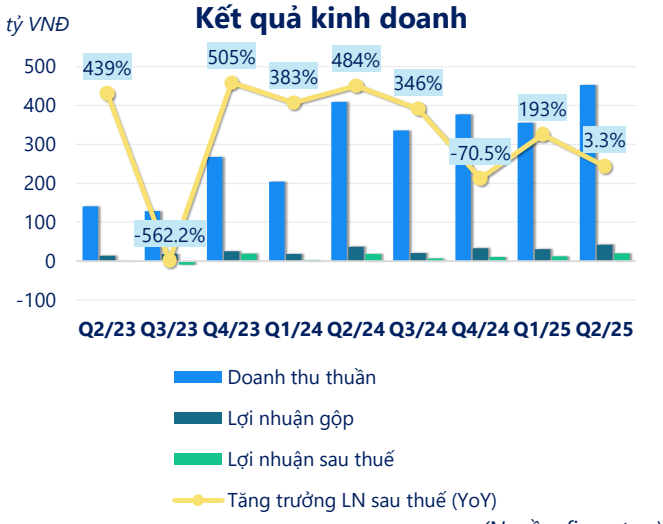
ROE

Q2/25

10.3%

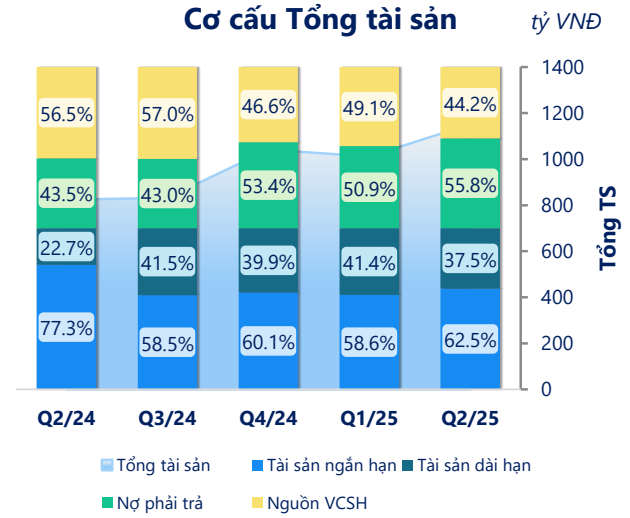
+/- YoY: ▲ 2.2%

Kết quả kinh doanh



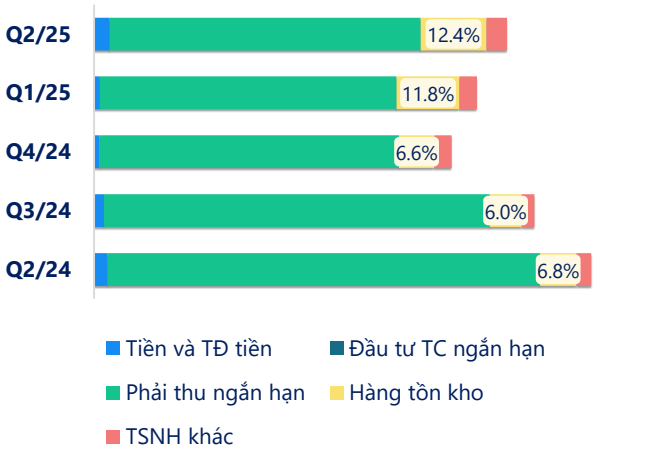
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



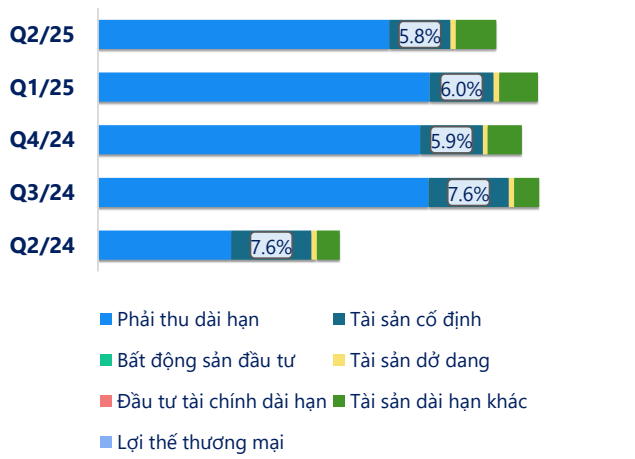
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



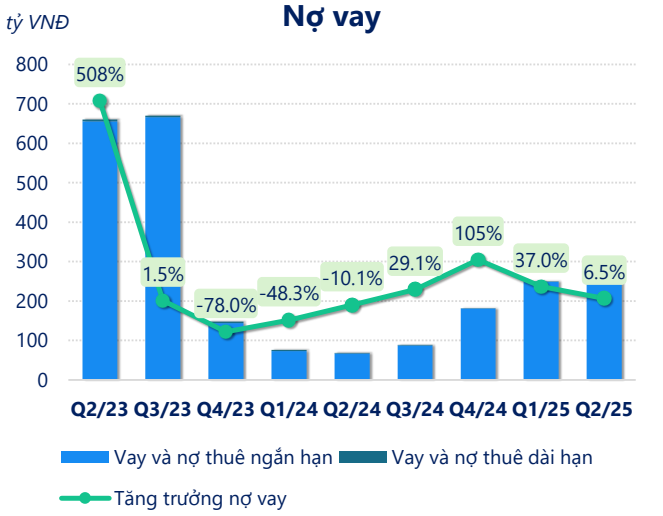
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



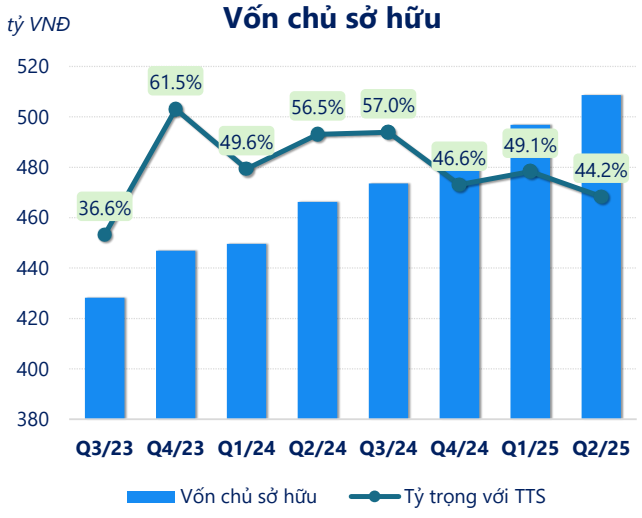
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



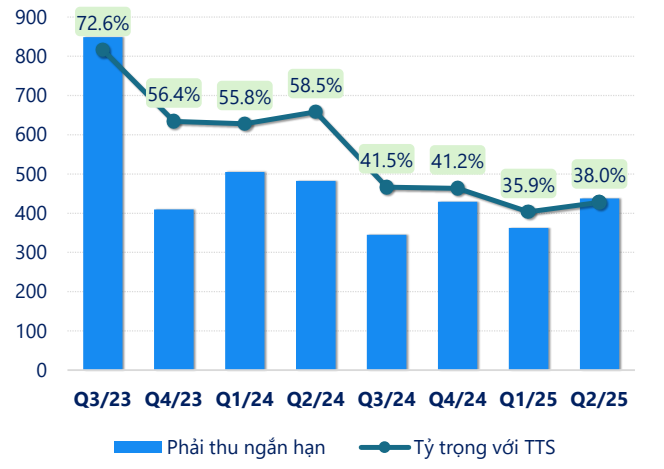
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



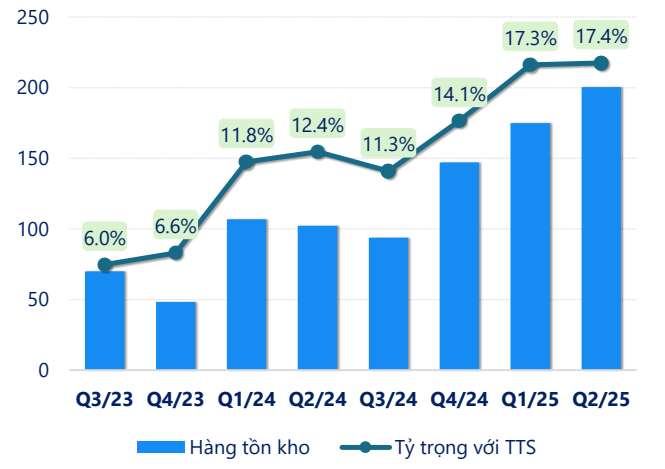
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



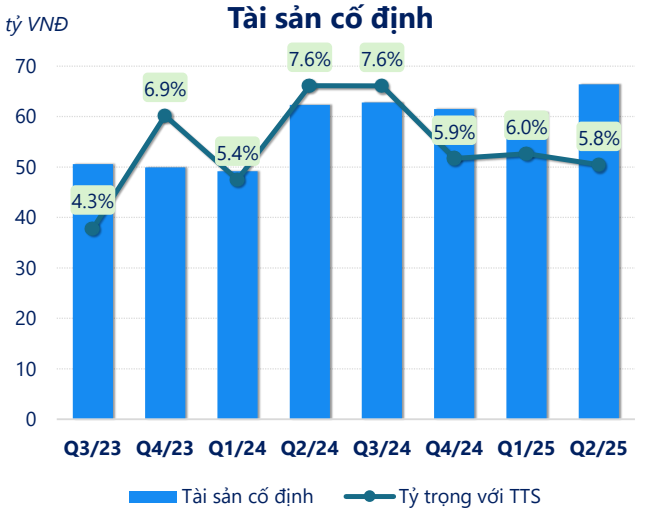
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



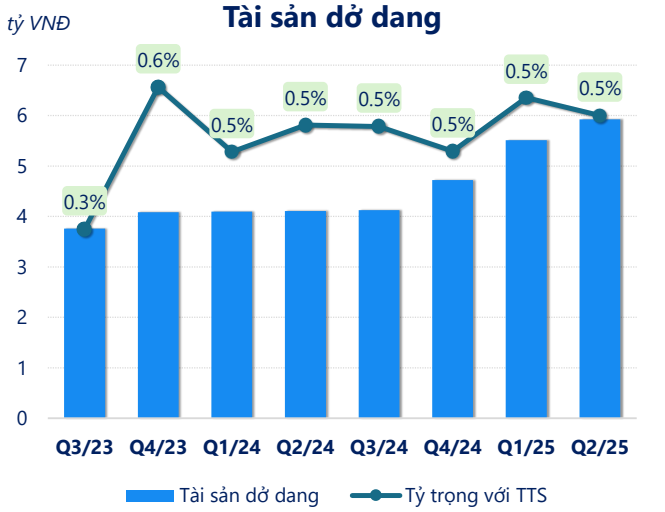
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



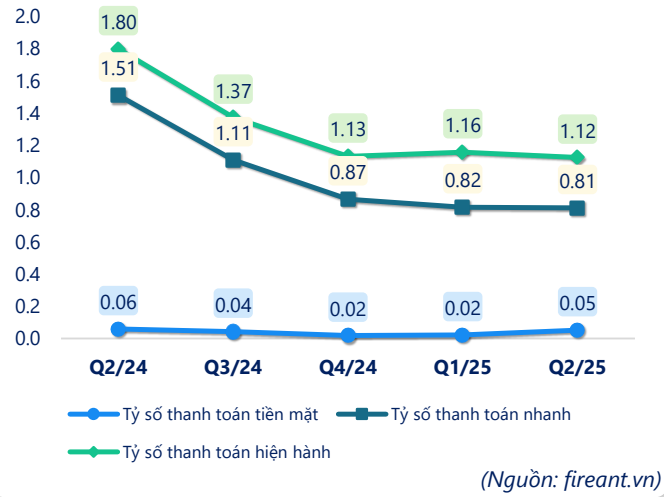
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



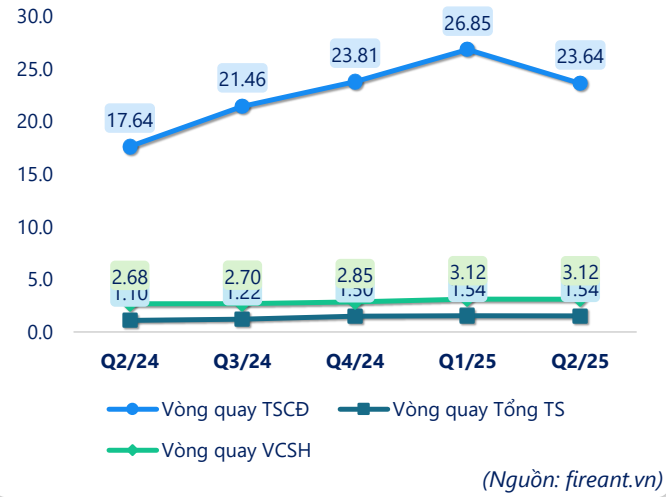
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**825**	**831**	**1,041**	**1,011**	**1,151**
Tài sản ngắn hạn	**637**	**486**	**626**	**593**	**720**
Tiền và tương đương tiền	20.9	15.3	10.2	11.3	33.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	482	345	429	363	438
Hàng tồn kho	102	93.7	147	175	200
Tài sản ngắn hạn khác	31.8	32.7	39.9	43.9	48.4
Tài sản dài hạn	**187**	**345**	**415**	**418**	**431**
Phải thu dài hạn	103	258	315	315	315
Tài sản cố định	62.3	62.8	61.5	60.9	66.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.11	4.12	4.72	5.51	5.92
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	17.7	19.6	33.5	36.8	43.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**358**	**358**	**556**	**514**	**643**
Nợ ngắn hạn	**354**	**354**	**554**	**512**	**641**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	66.8	87.3	181	249	265
Phải trả người bán ngắn hạn	109	160	250	189	219
Nợ dài hạn	3.92	3.35	2.78	2.21	2.02
Vay và nợ thuê dài hạn	1.92	1.35	0.78	0.21	0.02
Nguồn vốn chủ sở hữu	**466**	**474**	**485**	**497**	**509**
Vốn chủ sở hữu	**466**	**474**	**485**	**497**	**509**
Vốn điều lệ	300	300	300	300	430
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)